

Số: 167/BC-UBND

Vĩnh Châu, ngày 18 tháng 6 năm 2021

**BÁO CÁO**

**Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn  
nông thôn mới cho xã Lạc Hòa năm 2021**

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/ 2016 của Thủ tướng Chính Phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 20/04/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành 13 chỉ tiêu thuộc 6 tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Kế hoạch số 87/KH-UBND ngày 22/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Hướng dẫn số 12/HD.BCĐ, ngày 31/5/2017 của Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Sóc Trăng về việc đánh giá, công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới và xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sóc trăng, giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Kế hoạch số 02/KH-UBND 13/01/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Kế hoạch số 72/KH-UBND 28/12/2016 Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu về việc phát động phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020”;

Căn cứ đề nghị của Ủy ban nhân dân xã Lạc Hòa tại Tờ trình số 273/TTr-UBND ngày 16/6/2021 về việc thẩm tra, đề nghị xét công nhận xã Lạc Hòa đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021;

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã.

Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho xã Lạc Hòa năm 2021, cụ thể như sau:



## I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày 16/6/2021 đến ngày 17/6/2021).

### 1. Về hồ sơ

Số lượng gồm: 6 loại văn bản, mỗi loại 2 bản chính:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân xã Lạc Hòa về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.
- Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã.
- Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội của xã và nhân dân trong xã về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã.
- Biên bản cuộc họp đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.
- Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Lạc Hòa.
- Hình ảnh minh họa về kết quả xây dựng nông thôn mới của xã (in màu).

### 2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới:

#### 2.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch

##### a. Yêu cầu của tiêu chí

- Có quy hoạch chung xây dựng xã đã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn.
- Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

##### b. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: xác định công tác quy hoạch là tiêu chí đầu tiên, quan trọng của việc xây dựng nông thôn mới, Ban chỉ đạo xã đã phối hợp với phòng Quản lý đô thị thị xã Vĩnh Châu, các đơn vị tư vấn và các phòng, ban có liên quan thực hiện rà soát, lập quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới và đã được Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu phê duyệt tại Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 30/12/2011. Đồng thời tổ chức công bố, công khai quy hoạch chung nông thôn mới được duyệt tới các ấp, các hộ dân trên địa bàn xã.

- Các nội dung đã thực hiện: rà soát, lập quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới; tổ chức công bố, công khai quy hoạch; xây dựng quy chế quản lý quy hoạch được duyệt.

- Khối lượng thực hiện:

- + Quy hoạch nông thôn mới được Ủy ban nhân dân thị xã phê duyệt.
- + Duy trì tốt việc niêm yết các bản vẽ quy hoạch tại các điểm thuận lợi cho người dân quan sát như: Nhà văn hóa xã, khu vực chợ Lạc Hòa.
- + Công tác thực hiện cấm mốc chỉ giới các công trình hạ tầng theo kế hoạch dự kiến đầu tư xây dựng của xã theo quy hoạch: Đang làm hồ sơ.
- + Quy chế quản lý quy hoạch được Ủy ban nhân dân thị xã phê duyệt tại Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 31/12/2014.
- Kinh phí thực hiện: 150 triệu đồng.



### *c. Tự đánh giá*

So với yêu cầu của tiêu chí số 1 về Quy hoạch: Đạt.

## **2.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông**

### *a. Yêu cầu của tiêu chí*

- Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm đạt 100%.
- Đường trục ấp và đường liên ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm đạt  $\geq 50\%$ .
- Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa đạt 100% (trong đó cứng hóa  $\geq 30\%$ ).
- Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm đạt  $\geq 50\%$ .

### *b. Kết quả thực hiện tiêu chí*

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: giao thông là một trong những điều kiện thúc đẩy nền kinh tế phát triển của địa phương, trước khi thực hiện Chương trình các tuyến lộ giao thông trục ấp, liên ấp chủ yếu là lộ đal 2m và một số là lộ đất chưa được cứng hóa, gây cản trở tới việc vận chuyển hàng hóa của người dân. Nhờ sự đầu tư của nhà nước từ các chương trình dự án, sự đồng thuận của người dân được thể hiện qua việc hiến đất, ngày công, hoa màu, vật kiến trúc... cùng với sự giám sát chặt chẽ từ các công đoạn thi công của cộng đồng dân cư trong khuôn khổ dự án thực hiện theo cơ chế đặt thù, đến nay các tuyến lộ nông thôn trục xã cơ bản đạt 100% và đường trục ấp đạt 97,51%.

- Khối lượng thực hiện:

+ Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện theo Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Lạc Hòa (giai đoạn 2011 - 2020) là 05 tuyến với tổng chiều dài 23100m. Đến nay, xã đã thực hiện 05 tuyến với chiều dài 23100m đạt 100%.

+ Đường trục ấp và đường liên ấp theo Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Lạc Hòa (giai đoạn 2011 - 2020) là 15 tuyến với tổng chiều dài 37.300m. Đến nay đã được bê tông hóa với tổng chiều dài là 23.500 m đạt 63%; trong đó, mặt đường đạt chuẩn cấp C là 23.500m đạt 63%, chiều dài mặt đường chưa đạt chuẩn là 13.800m.

+ Đường trục ấp, ngõ xóm theo Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Lạc Hòa (giai đoạn 2011 - 2020) là 8 tuyến với tổng chiều dài 15.900m. Đến nay đã được bê tông hóa với tổng chiều dài là 12.700m đạt 80%.

Tuy nhiên, do nguồn vốn đầu tư còn khó khăn, hạn chế, đồng thời xã Lạc Hòa là xã thuộc xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, do đó trong giai đoạn đầu phân kỳ đầu tư nhằm phục vụ cho nhu cầu đi lại của nhân dân nên một số tuyến đường trục xã, đường trục ấp chưa đảm bảo theo quy định.

- Kinh phí đã thực hiện: 44 tỷ 365 triệu đồng.

## **2.3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi**



*a. Yêu cầu của tiêu chí*

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên.
- Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng, chống thiên tai tại chỗ.

*b. Kết quả thực hiện tiêu chí*

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: nhằm phục vụ tốt cho nuôi trồng thủy sản và sản xuất nông nghiệp của địa phương. Diện tích đất thủy lợi của xã hiện nay là 508,37 ha bao gồm 23 tuyến kênh với tổng chiều dài 57,387 km, bề rộng mặt kênh từ 6 - 12 m, tạo điều kiện tốt để phát triển sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là cây hành tím và nuôi trồng thủy sản. Tất cả các công trình thủy lợi đều đã bàn giao cho đoàn thể các ấp quản lý và sử dụng. Ủy ban nhân dân xã đã thành lập Ban chỉ huy và Đội xung kích phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn xã; hàng năm có xây dựng kế hoạch và kiện toàn thường xuyên, đảm bảo đáp ứng yêu cầu theo quy định.

- Các nội dung đã thực hiện: tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên; đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.

- Khối lượng thực hiện:

+ Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên: xã có diện tích tự nhiên là 4.091,52 ha; trong đó diện tích được tưới tiêu chủ động 3.273 ha chiếm 80%; có hệ thống nội đồng đảm bảo tưới, tiêu tới mặt ruộng; có hệ thống công trình thủy lợi được xây dựng theo quy hoạch và thiết kế được duyệt, được nạo vét, sửa chữa, bồi đắp, bảo dưỡng thường xuyên đảm bảo phát huy trên 80% năng lực thiết kế; có tổ chức (ấp) làm công tác quản lý, khai thác, bảo vệ hệ thống công trình thủy lợi hoạt động có hiệu quả phục vụ sản xuất, được đa số người dân hưởng lợi đồng thuận.

+ Hệ thống thủy lợi đảm bảo tạo nguồn cấp nước phục vụ sản xuất và dân sinh: Có đầu tư nạo vét kênh tạo nguồn, hệ thống nội đồng đảm bảo cấp nước tới mặt ruộng; có hệ thống công trình thủy lợi đảm bảo cung cấp nguồn nước tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản; có khả năng cấp nước khi nắng kéo dài khoảng 20 ngày.

+ Xây dựng và thực hiện có hiệu quả kế hoạch phòng, chống thiên tai của xã sát với tình hình thiên tai tại địa phương và được lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Thành lập và kiện toàn Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của xã theo Luật Phòng, chống thiên tai.

+ Tập huấn kiến thức phòng, chống thiên tai đối với cộng đồng. Có đội xung kích phòng, chống thiên tai và cứu hộ, cứu nạn được tập huấn kiến thức về cứu hộ, cứu nạn và duy trì hoạt động thường xuyên trên địa bàn xã. Đảm bảo các điều kiện để truyền tải và cung cấp thông tin cảnh báo thiên tai kịp thời đến người dân. Đã tham dự diễn tập điểm tại xã Vĩnh Hiệp năm 2017, xã Hòa Đông năm 2019 về công tác phòng, chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn.



+ Tất cả các vụ việc vi phạm pháp luật về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai đã được kiểm tra, phát hiện và xử lý.

- Tổng kinh phí đã được đầu tư là: 13 tỷ 095 triệu 326 ngàn 670 đồng.

*c. Tự đánh giá*

So với yêu cầu của tiêu chí số 3 về Thủy lợi: Đạt.

## **2.4. Tiêu chí số 4 về Điện**

*a. Yêu cầu của tiêu chí*

- Hệ thống điện đạt chuẩn theo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện.

- Có tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt  $\geq 98\%$ .

*b. Kết quả thực hiện tiêu chí*

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: cải tạo chỉnh trang các tuyến hiện có, xây dựng mới tuyến trung thế và hạ thế, vận động người dân đầu nối đồng hồ điện.

- Các nội dung đã thực hiện: xây dựng mới các tuyến trung thế và hạ thế, triển khai các dự án hỗ trợ điện cho người dân chưa có điện sử dụng và vận động người dân đầu nối đồng hồ điện.

- Khối lượng thực hiện:

+ Hệ thống cung cấp điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, an toàn theo quy định.

+ Tổng số hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn trên địa bàn xã Lạc Hòa là 3.404 hộ/3.465 hộ, đạt tỷ lệ 98,24%.

- Trong thời gian tới, Ủy ban nhân dân xã tiếp tục phối hợp với Điện lực thị xã Vĩnh Châu thường xuyên kiểm tra, sửa chữa, nâng cấp và hạ thế mạng lưới điện, phát hoang an toàn hành lang lưới điện; lắp đặt điện kế mới, thay thế các điện thế cũ nhằm đảm bảo nhu cầu sử dụng điện và cung cấp điện an toàn cho người dân.

*c. Tự đánh giá*

So với yêu cầu của tiêu chí số 4 về Điện: Đạt.

## **2.5. Tiêu chí số 5 về Trường học**

*a. Yêu cầu của tiêu chí*

Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia đạt từ 70% trở lên.

*b. Kết quả thực hiện tiêu chí*

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Trước đây các điểm trường chính và điểm trường lẻ cơ sở vật chất thiếu thốn, không đạt chuẩn. Trong những năm qua, được sự quan tâm từ các cấp, các ngành đã huy động, lồng ghép mọi nguồn lực từ các chương trình, dự án khác để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp sửa chữa cơ sở vật chất các điểm trường đạt chuẩn theo quy định.

- Các nội dung đã thực hiện: có 02 trường (THCS Lạc Hòa, Tiểu học Lạc Hòa 1) được công nhận đạt chuẩn Quốc gia; Trường Mầm non Lạc Hòa đạt



chuẩn cơ sở vật chất. Còn riêng điểm trường Tiểu học Lạc Hòa 2 đang tiến hành xây dựng.

- Khối lượng thực hiện: Có 3/4 trường đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất, đạt tỷ lệ 75%.

- Kinh phí đã thực hiện: 22 tỷ 480 triệu đồng.

### *c. Tự đánh giá*

So với yêu cầu của tiêu chí số 5 về Trường học: Đạt.

## **2.6. Tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa**

### *a. Yêu cầu của tiêu chí*

- Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã.

- Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.

- Tỷ lệ ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng đạt 100%.

### *b. Kết quả thực hiện tiêu chí*

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Công tác xã hội hóa là một trong những nội dung cần thiết, nhằm duy trì và phát huy hiệu quả sử dụng các thiết chế văn hóa, thể thao và nâng cao chất lượng tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, hoạt động vui chơi, giải trí thu hút nhân dân trên địa bàn tham gia. Các phong trào của hội đoàn thể ngày càng được quan tâm, được đoàn viên, hội viên đồng thuận hưởng ứng. Các Nhà văn hóa xã, ấp không chỉ là nơi hội họp mà còn là nơi gặp gỡ, giao lưu văn hóa, văn nghệ của bà con địa phương.

- Các nội dung đã thực hiện: xây dựng trụ sở Ủy ban nhân dân xã, Nhà văn hóa có bộ phận vui chơi giải trí trong nhà và ngoài trời, nơi luyện tập sinh hoạt văn nghệ. 9/9 ấp có nhà văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng, được trang bị bàn, ghế, tủ, cờ tổ quốc, cờ Đảng, ảnh Bác Hồ, băng khẩu hiệu, nội quy hoạt động...

- Khối lượng thực hiện:

+ Hội trường Nhà văn hóa đa năng với 150 chỗ ngồi và có đầy đủ trang thiết bị như: bàn, ghế, giá, tủ, trang bị âm thanh, ánh sáng, đài truyền thanh... Nhà văn hóa đa năng gồm có 04 phòng chức năng như: phòng đọc sách, báo, thư viện; phòng hành chính; phòng thông tin truyền thanh; phòng câu lạc bộ. Các công trình thể thao trên địa bàn xã gồm: Sân bóng đá, bóng chuyền, bi sắt, cầu lông... Dụng cụ thể dục thể thao đảm bảo theo công trình và các môn thể thao của xã.

+ Hiện xã có điểm vui chơi, giải trí cho trẻ em và người cao tuổi được xây dựng trong khuôn viên trụ sở xã. Bên cạnh đó, trẻ em và người cao tuổi của địa phương còn chọn các điểm trường, các điểm chùa... để vui chơi, giải trí và tập luyện thể thao. Ngoài ra, xã còn có Câu lạc bộ Đờn ca tài tử của Hội Người cao tuổi xã thành lập để cho các hội viên có nơi giải trí vào các ngày cuối tuần, các dịp lễ tết. Nhìn chung, cơ sở vật chất và trang thiết bị của các điểm vui chơi, giải



trí trên địa bàn cơ bản đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí của trẻ em và người cao tuổi của địa phương. Thời gian để sử dụng trong năm để tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí cho trẻ em là 25% và người cao tuổi là 15%.

+ Xã có 100% ấp có nhà văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng. Quy mô xây dựng: hội trường Nhà văn hóa đa năng với 55 chỗ ngồi và có đầy đủ trang thiết bị như: Bàn, ghế, giá, tủ, cờ tổ quốc, cờ Đảng, ảnh Bác Hồ, băng khẩu hiệu, cờ trang trí... Ngoài ra, các ấp còn có các công trình thể thao phù hợp với phong trào thể thao ở địa phương như: Sân bóng đá, sân bóng chuyền, sân bi sắt...

- Kinh phí đã thực hiện: 1 tỷ 202 triệu đồng.

#### *c. Tự đánh giá*

So với yêu cầu của tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa: Đạt.

### **2.7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn**

#### *a. Yêu cầu của tiêu chí*

Xã được công nhận đạt tiêu chí Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn khi đáp ứng một trong ba nội dung:

- Có chợ nông thôn trong quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đạt 100% chỉ tiêu loại A, 50% chỉ tiêu loại B trở lên quy định tại điểm a, tiêu chí 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, ban hành kèm theo Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Có siêu thị mini đạt 100% chỉ tiêu loại A và 50% chỉ tiêu loại B trở lên quy định tại điểm b, tiêu chí 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, ban hành kèm theo Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Có cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp đạt 100% chỉ tiêu loại A và 50% chỉ tiêu loại B trở lên quy định tại điểm c, tiêu chí 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, ban hành kèm theo Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

#### *b. Kết quả thực hiện tiêu chí*

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: trên địa bàn xã có 01 chợ trung tâm xã và 02 chợ tự phát tại khu vực Đại Bái và Đại Bái A. Trong những năm qua từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh và nguồn vượt thu tiền sử dụng đất năm 2017 của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu đã đầu tư nâng cấp, sửa chữa chợ trung tâm xã và các công trình phụ trợ tại chợ tương đối đạt yêu cầu.

- Các nội dung đã thực hiện: xây dựng thành 02 khu buôn bán, với 65 lô, gồm khu kiốt, khu vực buôn bán có sạp ngồi, khu vực buôn bán hàng thủy sản tự tiêu.

- Khối lượng thực hiện: hiện nay, trên địa bàn xã có chợ nông thôn trong quy hoạch được Ủy ban nhân dân thị xã phê duyệt, đạt 100% chỉ tiêu loại A và 100% chỉ tiêu loại B quy định tại điểm a, tiêu chí 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, ban hành kèm theo Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Kinh phí đã thực hiện: 320 triệu đồng.



### *c. Tự đánh giá*

So với yêu cầu của tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: Đạt

## **2.8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông**

### *a. Yêu cầu của tiêu chí*

- Xã có điểm phục vụ bưu chính: Có ít nhất một điểm phục vụ, đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định.
- Xã có dịch vụ viễn thông, internet theo quy định.
- Xã có Đài Truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn theo quy định.
- Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành theo quy định.

### *b. Kết quả thực hiện tiêu chí*

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: khuyến khích các hộ dân trong xã có điều kiện đầu tư kinh doanh dịch vụ internet nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân dễ dàng tiếp cận thông tin; đưa điểm truy cập Internet đến 8/8 ấp; các hệ thống loa phát thanh được quan tâm đầu tư; máy móc trang thiết bị của cán bộ, công chức xã được kết nối internet và sử dụng hệ thống văn bản quản lý điều hành.

- Các nội dung đã thực hiện: duy trì điểm phục vụ bưu chính, viễn thông; hạ tầng kỹ thuật viễn thông đáp ứng nhu cầu của người dân; hệ thống loa hoạt động, phục vụ tốt công tác thông tin tuyên truyền của địa phương; trang thiết bị máy móc phục vụ trong công tác quản lý điều hành được đầu tư cơ bản đáp ứng nhu cầu.

- Khối lượng thực hiện:

+ Xã Lạc Hòa có điểm Bưu điện văn hóa xã đang hoạt động, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính của các tổ chức, cá nhân tại địa phương. Điểm Bưu điện văn hóa xã có mặt bằng, trang thiết bị phù hợp với hình thức tổ chức cung ứng và nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính tại địa phương, có treo biển tên điểm phục vụ, niêm yết giờ mở cửa phục vụ và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng tại điểm phục vụ. Điểm Bưu điện văn hóa xã cung cấp các dịch vụ: Nhận gửi, chuyển phát bưu phẩm, bưu kiện đáp ứng yêu cầu theo Quy định tại Quyết định số 441/QĐ-BTTTT ngày 28/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

+ 100% các ấp trên địa bàn xã đều có hạ tầng kỹ thuật viễn thông, đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông cố định mặt đất và di động mặt đất, dịch vụ truy cập internet băng rộng cố định mặt đất và di động mặt đất. Chất lượng dịch vụ viễn thông, internet đáp ứng các Quy chuẩn: QCVN 35:2011/BTTTT, QCVN 34:2014/BTTTT, QCVN 81:2014/BTTTT, QCVN 36:2015/BTTTT.

+ Xã có Đài Truyền thanh hữu tuyến do Ủy ban nhân dân xã thiết lập, trực tiếp quản lý nhân sự, máy móc thiết bị và kinh phí thực hiện. 100% ấp trên địa bàn xã đều có hệ thống loa hoạt động, phục vụ tốt công tác thông tin tuyên truyền của địa phương.



+ Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành; 100% cán bộ, công chức xã được cấp hộp thư điện tử công vụ và sử dụng hộp thư điện tử công vụ để giải quyết công việc. Hệ thống quản lý văn bản và điều hành được triển khai liên thông từ tỉnh đến xã; tỷ lệ máy tính/số cán bộ, công chức đạt trên 2/3. Máy tính của cơ quan Đảng, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã đều được kết nối internet băng rộng.

*c. Tự đánh giá*

So với yêu cầu của tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông: Đạt

## **2.9. Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư**

*a. Yêu cầu của tiêu chí*

- Trên địa bàn xã không còn hộ gia đình ở trong nhà tạm, nhà dột nát.
- Tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định đạt  $\geq 70\%$ .

*b. Kết quả thực hiện tiêu chí*

- Khối lượng thực hiện:

+ Trên địa bàn xã hiện không còn hộ gia đình ở trong nhà tạm, nhà dột nát.

+ Số hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định trên địa bàn xã Lạc Hòa là 2.798 hộ, đạt tỷ lệ 78,99%.

*c. Tự đánh giá*

So với yêu cầu của tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư: Đạt.

## **2.10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập**

*a. Yêu cầu của tiêu chí*

Có mức thu nhập bình quân đầu người/năm của xã đạt  $\geq 50$  triệu đồng.

*b. Kết quả thực hiện tiêu chí*

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Đẩy mạnh các hoạt động chuyển giao và ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ sản xuất theo quy định GAP, VietGAP, GlobalGAP,... trên cây trồng là một hướng đi sáng suốt mang lại hiệu quả bền vững về mặt năng suất, chất lượng và khả năng tiêu thụ trên thị trường. Tận dụng từ nguồn vốn hỗ trợ phát triển sản xuất, vốn vay... triển khai thực hiện các mô hình mang lại hiệu quả kinh tế cao, mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị. Tập trung theo dõi, chỉ đạo các giải pháp nuôi tôm bền vững, quản lý nuôi tôm nước lợ theo khung mùa vụ.

- Các nội dung đã thực hiện: Hàng năm phối hợp tuyên truyền chuyển giao ứng dụng, nhân rộng kết quả thực hiện các đề tài, dự án đã được công nhận như: sản xuất củ hành tím an toàn, sản xuất hành tím theo qui trình GlobalGAP, trồng rau trong nhà lưới... Hướng cho bà con sản xuất những sản phẩm theo nhu cầu của thị trường.

- Khối lượng thực hiện: Qua kết quả điều tra trên địa bàn xã, mức thu nhập bình quân đầu người/năm của xã năm 2020 đạt 51,41 triệu đồng.

*c. Tự đánh giá*

So với yêu cầu của tiêu chí số 10 về Thu nhập: Đạt



### **2.11. Tiêu chí số 11 về Hộ nghèo**

#### *a. Yêu cầu của tiêu chí*

Có tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016 - 2020 của xã đạt  $\leq 4\%$ .

#### *b. Kết quả thực hiện tiêu chí*

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Ủy ban nhân dân thị xã chỉ đạo và giao chỉ tiêu đầu năm về đăng ký thoát nghèo, mỗi quý rà soát đánh giá số hộ thoát nghèo trên địa bàn xã. Đồng thời thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với người có công, các đối tượng bảo trợ xã hội và người nghèo. Tổ chức thăm hỏi và tặng quà cho các đối tượng chính sách xã hội, người có công trong các dịp, lễ tết.

- Các nội dung đã thực hiện: Ngân hàng chính sách xã hội đã phát vay cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo vay vốn để đầu tư sản xuất, phát triển kinh tế gia đình, nhằm tăng thu nhập thoát nghèo bền vững. Đặc biệt là đầu tư sản xuất cho hộ nghèo từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo.

- Khối lượng thực hiện: Qua rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hợp bình xét hộ nghèo, hộ cận nghèo của các ấp trên địa bàn xã Lạc Hòa, hiện nay tổng số hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều trên địa bàn xã là 111 hộ (sau khi trừ hộ là đối tượng bảo trợ xã hội), chiếm tỷ lệ 3,38% trên tổng số hộ của toàn xã

- Kinh phí đã thực hiện: 2 tỷ 221 triệu đồng.

#### *c. Tự đánh giá*

So với yêu cầu của tiêu chí số 11 về Hộ nghèo: Đạt.

### **2.12. Tiêu chí số 12 về Lao động có việc làm**

#### *a. Yêu cầu của tiêu chí*

Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động đạt từ 90% trở lên.

#### *b. Kết quả thực hiện tiêu chí*

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: xác định ngành nghề chủ yếu của địa phương nhằm định hướng cho người dân phát triển bền vững, đẩy mạnh đào tạo nghề, chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn, khuyến khích, mời gọi đầu tư.

- Các nội dung đã thực hiện: Đầu tư thúc đẩy phát triển thương mại dịch vụ đa thành phần, xây dựng Điện gió, điện năng lượng mặt trời... đã giải quyết nhu cầu việc làm cho người dân tại địa phương.

- Khối lượng thực hiện: Qua kết quả điều tra trên địa bàn xã, tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng lao động là 91,09%.

#### *c. Tự đánh giá*

So với yêu cầu của tiêu chí số 12 về Lao động có việc làm: Đạt.

### **2.13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất**

#### *a. Yêu cầu của tiêu chí*



- Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012.

- Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững.

### ***b. Kết quả thực hiện tiêu chí***

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: tập trung nạo vét các công trình thủy lợi để phục vụ cho sản xuất; tận dụng nạo vét kênh rạch, nâng cao và cải tạo đất phù sa trồng màu dọc theo các bờ kênh, bờ ao và trồng cây ăn trái trong khuôn viên đất dân; khuyến khích thực hiện kinh tế gia đình, là kinh tế phụ. Vận động hộ nông dân thực hiện sản xuất theo mô hình kinh tế tổng hợp. Tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân về ý thức bảo vệ môi trường, nhất là bảo vệ nguồn nước phục vụ sản xuất; kiên quyết không thải bùn ra sông, rạch gây ô nhiễm môi trường.

- Các nội dung đã thực hiện: phát triển ngành trồng trọt theo hướng tăng cường cho thâm canh, tăng năng suất, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của từng sản phẩm, đẩy mạnh phát triển cây màu có giá trị, đa dạng hóa các loại cây ăn quả với các loại cây trồng có sự đảm bảo về thị trường tiêu thụ và sức mạnh cạnh tranh cao, xây dựng các vùng chuyên canh gắn với các cơ sở chế biến, các cây trồng chính sẽ tập trung phát triển gồm có: Hành tím, củ cải trắng, cây thuốc cá, rau đậu các loại và cây màu lương thực; khuyến khích các gia đình trồng rau màu chủ yếu phục vụ tại chỗ; phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại VAC, gắn với xây hầm Biogas để sản xuất điện, khí đốt phục vụ sinh hoạt gia đình; tổ chức tốt các dịch vụ đầu vào, đầu ra cho sản phẩm thủy sản nhằm tạo điều kiện để các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác phát triển sản xuất ổn định, hiệu quả; tổ chức cung ứng giống, vật tư sản xuất nông nghiệp, thủy sản có chất lượng, tránh việc mua bán hàng kém chất lượng gây tổn thất cho nông dân; phổ biến ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ sinh học vào sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và chăn nuôi.

- Khối lượng thực hiện:

+ Trên địa bàn xã Lạc Hòa có 03 Hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012, có 33 thành viên, tổng vốn điều lệ 416 triệu đồng, diện tích 81ha, ngành nghề đăng ký hoạt động là sản xuất, kinh doanh các loại rau màu, thu mua nông thủy sản và nuôi trồng thủy sản. Trong đó, có Hợp tác xã Rau màu ấp Hòa Thành, tuy mới thành lập nhưng bước đầu Hợp tác xã đem lại hiệu quả nhất định cho thành viên. Hợp tác xã có 12 thành viên, tổng vốn điều lệ 200 triệu đồng, diện tích 21,91 ha. Ngành nghề đăng ký hoạt động là sản xuất Hành tím thương phẩm theo chuỗi giá trị và đã được Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định cấp giấy Chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý số 00075 cho sản phẩm.

+ Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản đảm bảo bền vững: Hành tím là đặc sản của tỉnh Sóc Trăng, là loại cây màu truyền thống của Vĩnh Châu nói chung, xã Lạc Hòa nói riêng. Hành tím Vĩnh Châu gắn liền với đời sống người dân nơi đây. Theo Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh Sóc Trăng, hành tím là một trong những đối tượng được lựa chọn để quy hoạch



vùng sản xuất tập trung và triển khai xây dựng mô hình chuỗi giá trị sản xuất. Trong thời gian qua được các ngành chức năng của tỉnh hỗ trợ, người dân Lạc Hòa áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất hành tím theo tiêu chuẩn Global GAP, trồng hành tím bón lót bằng phân hữu cơ, v.v... Xã có liên kết với các đại lý, cửa hàng kinh doanh vật tư nông nghiệp cung ứng vật tư đầu vào và ký hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ đầu ra với Công ty TNHH Thạch Võ, giá mua ổn định, không thấp hơn giá thị trường mang lại hiệu quả cho thành viên.

*c. Tự đánh giá*

So với yêu cầu của tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất: Đạt

**2.14. Tiêu chí số 14 về Giáo dục và Đào tạo**

*a. Yêu cầu của tiêu chí*

- Đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

- Có tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp) đạt  $\geq 80\%$ .

- Có tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo đạt  $\geq 25\%$ .

*b. Kết quả thực hiện tiêu chí*

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: với sự quan tâm sâu sát của Ban Chỉ đạo phổ cập thị xã, Ban Chỉ đạo phổ cập xã tích cực vận động trẻ trong độ tuổi ra lớp, nâng cao chất lượng giáo dục và được công nhận là xã đạt chuẩn Phổ cập giáo dục - Xóa mù chữ.

- Các nội dung đã thực hiện: đưa đội ngũ cán bộ, giáo viên tham gia học tập các lớp trên chuẩn, tuyên truyền trong nhân dân về lợi ích trình độ học vấn, đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu về cơ sở vật chất cho đội ngũ giáo viên đứng lớp, kịp thời giúp đỡ những trường hợp nghỉ học, bỏ học do gia đình khó khăn; phát động rộng rãi phong trào học nghề, lập thân, lập nghiệp nhất là lực lượng trẻ để chuyển đổi cơ cấu lao động, nhu cầu đào tạo nghề; tổ chức nhiều dạng tập huấn, bồi dưỡng tay nghề, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật về sản xuất cho nông dân áp dụng; tổ chức các lớp tập huấn trang bị kiến thức về quản lý kinh tế trang trại, điều hành sản xuất cho hợp tác xã, tổ hợp tác và các chủ trang trại..

- Khối lượng thực hiện:

+ Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi đến lớp là 250/251 trẻ, đạt 99,6%.

+ Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non là 276/292 trẻ, đạt 94,52%.

+ Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 là 292/295 trẻ, đạt 98,98%.

+ Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học là 248/297 trẻ, đạt 83,5%.

+ Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tốt nghiệp trung học cơ sở là 707/803 em, đạt 88,04%.

+ Tỷ lệ người trong độ tuổi từ 15 đến 35 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2 là 5.601/5.822 người, đạt 96,20%.



+ Tổng số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp) là 573/707 em, đạt tỷ lệ 81,05%.

+ Tổng số lao động trong độ tuổi có việc làm trên địa bàn xã hiện nay là 14.071 người, trong đó tổng số lao động có việc làm qua đào tạo là 3.897 người, chiếm tỷ lệ 27,7%.

*c. Tự đánh giá*

So với yêu cầu của tiêu chí số 14 về Giáo dục và Đào tạo: Đạt

**2.15. Tiêu chí số 15 về Y tế**

*a. Yêu cầu của tiêu chí*

- Có tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế đạt từ 85% trở lên.
- Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.
- Có tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) đạt  $\leq 20,5\%$ .

*b. Kết quả thực hiện tiêu chí*

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: tuyên truyền vận động nhân dân về quyền và lợi ích của Bảo hiểm y tế cũng như luật Bảo hiểm y tế, để mọi người hiểu biết cùng tham gia.

- Các nội dung đã thực hiện: triển khai thực hiện cấp phát thẻ Bảo hiểm y tế cho các đối tượng như: Hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách, người cao tuổi, trẻ em dưới 6 tuổi, người dân tộc thiểu số, v.v...; duy trì và khuyến khích người dân tham gia các hình thức bảo hiểm; bồi dưỡng kiến thức, phương pháp tiếp cận tuyên truyền cho mạng lưới cán bộ dân số xã, ấp; vận động các cặp vợ chồng trong diện tuổi sinh đẻ áp dụng các biện pháp tránh thai; thực hiện tốt công tác bảo vệ chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em; vận động nhân dân ăn chín, uống sôi, vệ sinh nơi ở đảm bảo trong lành; bảo vệ môi trường trong sản xuất và khu vực dân cư; đảm bảo thuốc thiết yếu để phục vụ công tác khám chữa bệnh cho nhân dân và duy trì vườn thuốc nam mẫu; thực hiện tốt chương trình y tế quốc gia trên địa bàn; phát huy và duy trì hiệu quả các nội dung 10 chuẩn Quốc gia về y tế; quy hoạch đào tạo cán bộ về chuyên môn, đặc biệt là bác sĩ và cán bộ tổ y tế.

- Khối lượng thực hiện:

- + Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm trên địa bàn xã đạt 100%.
- + Xã được công nhận đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã năm 2020.
- + Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi là 9,1%.
- Kinh phí đã thực hiện: 306 triệu đồng.

*c. Tự đánh giá*

So với yêu cầu của tiêu chí số 15 về Y tế: Đạt

**2.16. Tiêu chí số 16 về Văn hóa**

*a. Yêu cầu của tiêu chí*



- Xã có từ 70% ấp trở lên đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định tại thời điểm đề nghị công nhận đạt tiêu chí.

- Tỷ lệ ấp đạt chuẩn “Ấp văn hóa nông thôn mới”  $\geq 30\%$ .

*b. Kết quả thực hiện tiêu chí*

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: vận động Ban quản trị các Chùa, Miếu trên địa bàn xã bảo quản tốt nét đặc thù vốn có; vận động thực hiện nếp sống mới trong việc cưới, việc tang, lễ hội; giữ gìn bản sắc văn hóa địa phương (sinh hoạt lễ hội có tính hướng thiện, đoàn kết cộng đồng); nâng cấp, mở rộng di tích lịch sử, bia truyền thống để giáo dục thế hệ trẻ tự hào về truyền thống cách mạng của quê hương.

- Các nội dung đã thực hiện: tổ chức trồng cây xanh ở điểm sinh hoạt cộng đồng (nhà văn hóa ấp, trường học, cụm tuyến dân cư) và vận động mỗi gia đình tận dụng đất thổ cư trồng cây ăn trái, cải tạo vườn tạp trồng cây lấy gỗ vừa tạo mỹ quan, vừa có ích về kinh tế, sức khỏe và môi trường; xây dựng mỗi điểm, tuyến dân cư, mỗi tổ nhân dân tự quản một số hình ảnh mẫu về gia đình sản xuất giỏi, vợ chồng thuận thảo, bình đẳng, nuôi con khỏe, dạy con ngoan; xã hội hóa từng bước các hoạt động văn hóa, thể thao; thực hiện việc đưa pháp luật đến từng hộ dân thông qua các đoàn thể, tổ nhân dân tự quản.

- Khối lượng thực hiện: 07/09 ấp được công nhận “Ấp văn hóa”, đạt tỷ lệ 77,77% và 03/09 ấp được công nhận “Ấp văn hóa nông thôn mới”, đạt tỷ lệ 33,33%.

- Để nâng chất tiêu chí trong thời gian tới, Ủy ban nhân dân xã tiếp tục vận động các hộ gia đình trên địa bàn đăng ký thực hiện các danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Hộ văn hóa nông thôn mới”; giữ vững chất lượng các danh hiệu “Ấp văn hóa”, “Ấp văn hóa nông thôn mới”.

*c. Tự đánh giá*

So với yêu cầu của tiêu chí số 16 về Văn hóa: Đạt.

**2.17. Tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm**

*a. Yêu cầu của tiêu chí*

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định đạt  $\geq 95\%$  (trong đó có  $\geq 65\%$  nước sạch).

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt 100%.

- Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn.

- Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch:

+ Mỗi xã hoặc liên xã có quy hoạch đất làm nghĩa trang lâu dài phù hợp tập quán của địa phương (trừ nơi có tập quán an táng không ở nghĩa trang); có hình thức táng phù hợp tập quán của địa phương;

+ Không để xảy ra ô nhiễm môi trường trong hoạt động mai táng, hỏa táng trên phạm vi địa bàn xã.



- Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch (sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ) đạt  $\geq 70\%$ .

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường đạt  $\geq 70\%$ .

- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm đạt 100%.

### ***b. Kết quả thực hiện tiêu chí***

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: hệ thống nước sạch được đầu tư xây dựng hàng năm, tận dụng các chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án để lắp đặt đồng hồ nước cho hộ nghèo, hộ cận nghèo,...; tuyên truyền cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản đăng ký và cam kết đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường; phát động phong trào thi đua về thực hiện tuyến đường nông thôn mới kiểu mẫu; tuyên truyền sâu rộng trong dân về an toàn và vệ sinh thực phẩm bằng nhiều hình thức như phát thanh, tờ bướm, tuyên truyền miệng...

- Khối lượng thực hiện:

+ Về tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định: Số hộ sử dụng nước hợp vệ sinh là 3.465 hộ/3.465 hộ, đạt 100%; trong đó, số hộ sử dụng nước sạch theo Quy chuẩn Quốc gia là 1.640 hộ/3.285 hộ, chiếm tỷ lệ 49,92% số hộ sử dụng nước hợp vệ sinh (gồm: số hộ sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn là 1.640 hộ, số hộ sử dụng nước sạch từ nước đóng bình, nước đóng chai là 1.871 hộ).

+ 100% (07/07) cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường. Cơ sở sản xuất - kinh doanh trên địa bàn xã đều thực hiện phân loại, thu gom, xử lý chất thải (nước thải, khí thải chất thải rắn) và các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động đến môi trường, nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đã cam kết và theo quy định của pháp luật. Các hộ nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xã đều nằm trong quy hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản được Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu phê duyệt; không sử dụng thuốc thú y thủy sản, hóa chất đã hết hạn sử dụng hoặc ngoài danh mục cho phép trong nuôi trồng thủy sản theo quy định; không có trường hợp xây dựng khu nuôi trồng thủy sản tập trung trên bãi bồi đang hình thành vùng cửa sông, ven biển; không có trường hợp phá rừng ngập mặn để nuôi trồng thủy sản. Các cơ sở nuôi thủy sản chủ yếu là nuôi hộ gia đình, cá nhân có diện tích dưới 05 ha nên được miễn thực hiện thủ tục đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, các cơ sở này vẫn thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định. Trên địa bàn xã hiện không có các làng nghề.

+ Hằng năm, xã đều xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn phù hợp với đặc điểm kinh tế, sinh thái, văn hóa của địa phương; triển khai và phối hợp với các ngành



có liên quan trồng cây xanh (gồm cây bóng mát, cây cảnh, hoa,...) dọc theo các tuyến lộ, các điểm trường, khu trung tâm xã và nhà sinh hoạt cộng đồng các ấp. Việc trồng cây phù hợp với quy hoạch được phê duyệt và đảm bảo không ảnh hưởng đến an toàn giao thông, không làm hư hại đến các công trình của nhân dân và các công trình công cộng.

+ Trên địa bàn xã Lạc Hòa hiện nay có 02 hình thức táng là mai táng và hỏa táng, đây là 02 hình thức táng tập quán của địa phương. Do đó, Ủy ban nhân dân xã Lạc Hòa đã phối hợp với các ngành có liên quan và tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ từ cấp trên để xây dựng 03 lò hỏa táng tại 03 điểm chùa là chùa Tăng Du; chùa Day Ta Pay và Chùa Ta Đot. Bên cạnh đó, trên địa bàn xã còn có 01 vị trí được quy hoạch đất làm nghĩa trang lâu dài phù hợp tập quán của địa phương với tổng diện tích 2 ha là nghĩa trang ấp Vĩnh Biên. Từ ngày 01/01/2016 đến nay, số lượng người tử vong trên địa bàn xã là 463 người; trong đó: mai táng là 227 người, hỏa táng là 236 người. Tất cả 463 lượt táng đều không để xảy ra ô nhiễm môi trường trong hoạt động mai táng, hỏa táng.

+ Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định. Dọc theo các tuyến đường chính của xã có đội thu gom rác thải đến thu gom và vận chuyển đến bãi rác tập chung của thị xã để xử lý, các hộ dân nằm trên tuyến đường xe thu góp rác không vào được thì tự xử lý bằng phương pháp chôn lấp và đốt hợp vệ sinh. Hiện nay, trên địa bàn xã hiện chưa có hệ thống tiêu thoát nước thải tập trung mà chủ yếu là hệ thống tiêu thoát nước mưa tại các điểm dân cư tập trung của xã, bảo đảm nhu cầu tiêu thoát nước của khu vực, không có hiện tượng tắc nghẽn, tù đọng nước thải và ngập úng. Tuy chưa có hệ thống tiêu thoát nước thải tập trung nhưng đa số các hộ gia đình đều có công trình thu gom và xử lý nước thải như bể tự hoại, hố ga lắng cặn trước khi thải ra môi trường; nước thải của các hộ gia đình không chảy tràn, đổ thải bừa bãi ra đường làng, ngõ xóm, không tạo thành các vũng, ao tù nước đọng.

+ Tổng số hộ trên địa bàn xã là 3.465 hộ. Trong đó, số hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch (sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ) là 2.624 hộ, đạt tỷ lệ 75,73%.

+ Về tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường: Tổng số hộ chăn nuôi trên địa bàn xã là 102 hộ; trong đó, số hộ có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo các điều kiện vệ sinh môi trường là 92 hộ, chiếm tỷ lệ 90% tổng số hộ chăn nuôi trên địa bàn.

- Kinh phí đã thực hiện: 1 tỷ 701 triệu đồng.

### *c. Tự đánh giá*

So với yêu cầu của tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm: Đạt.

## **2.18. Tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật**

### *a. Yêu cầu của tiêu chí*

- Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn theo quy định.
- Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.
- Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “Trong sạch, vững mạnh”.



- Có 100% tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên.
- Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.
- Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

*b. Kết quả thực hiện tiêu chí*

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: củng cố kiện toàn các chức danh cán bộ, công chức xã nhằm đảm bảo đạt chuẩn theo quy định; đào tạo nâng cao năng lực các Trưởng Ban nhân dân ấp; đẩy mạnh công tác phát triển Đảng viên, có cơ chế khuyến khích con em người địa phương đã tốt nghiệp đại học về công tác tại địa phương.

- Các nội dung đã thực hiện: xây dựng trụ sở Đảng ủy - Ủy ban nhân dân xã có đầy đủ các bộ phận làm việc, trong đó có bộ phận 01 cửa, nhà làm việc cho lực lượng công an, quân sự; đầu tư trang thiết bị làm việc như bàn ghế, tủ hồ sơ, máy tính,... Bổ sung, hoàn thiện các quy chế làm việc trong bộ máy chính quyền, các đoàn thể chính trị, quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân xã, quy chế dân chủ ở các ấp; nâng cao năng lực lãnh đạo điều hành của các Chi bộ và Ban Nhân dân ấp.

- Khối lượng thực hiện:

+ Về tỷ lệ cán bộ, công chức xã đạt chuẩn theo quy định: Lạc Hòa là xã loại I, theo Quyết định 21/2020/QĐ-UBND ngày 22/7/2020 của UBND Tỉnh Sóc Trăng được bố trí tối đa 23 cán bộ, công chức. Hiện nay xã bố trí 21 cán bộ, công chức. Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP và Hướng dẫn số 02/HD-SNV, xã có 21/21 cán bộ, công chức đạt chuẩn, tỷ lệ 100%

+ Về có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định: Hiện nay, hệ thống tổ chức chính trị ở xã được thành lập đủ theo đúng quy định của cấp có thẩm quyền, gồm: Đảng bộ xã, Chính quyền xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

+ Về Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “Trong sạch, vững mạnh”: Hàng năm, Đảng bộ xã Lạc Hòa đều hoàn thành tốt nhiệm vụ, Chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “Trong sạch, vững mạnh”.

+ Về tỷ lệ các tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên: Hàng năm, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của xã đều được các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội cấp trên đánh giá, công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ.

+ Về đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định: xã Lạc Hòa được Ủy ban nhân dân thị xã công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu về Công nhận xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2020.

+ Về đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội: Hàng năm, xã luôn làm tốt công tác bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình, bảo vệ và bảo trợ những người dễ bị tổn thương trong lĩnh vực gia đình và đời sống xã hội; có xây dựng kế hoạch phòng, chống bạo lực gia đình và



tuyên truyền rộng rãi bằng nhiều hình thức phong phú. 100% nữ trên địa bàn xã có nhu cầu vay vốn ưu đãi đều được hỗ trợ vay từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức khác. Trên địa bàn xã không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, buôn bán người. Có 1/15 đồng chí là nữ trong Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy xã chiếm 6,67%.

- Trong thời gian tới, xã tiếp tục củng cố, kiện toàn các chức danh cán bộ, công chức xã; nâng cao chất lượng tổ chức đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn.

### *c. Tự đánh giá*

So với yêu cầu của tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật: Đạt.

## **2.19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh**

### *a. Yêu cầu của tiêu chí*

- Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.

- Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước.

### *b. Kết quả thực hiện tiêu chí*

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Chỉ đạo lực lượng Công an, Quân sự nắm chặt tình hình địa bàn, ngăn chặn kịp thời những tệ nạn xã hội, đảm bảo hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh; xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc trong toàn dân, giữ vững an ninh chính trị tại địa bàn; giải quyết 100% đơn thư từ cơ sở theo thẩm quyền; không để khiếu kiện vượt cấp, đông người.

- Các nội dung đã thực hiện: Lực lượng Công an, Quân sự và Đoàn Biên phòng thực hiện tốt nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, chủ động nắm chặt tình hình an ninh chính trị của địa phương; tham mưu cho cấp ủy, chính quyền giải quyết kịp thời các vướng mắc ở cơ sở, giữ vững ổn định chính trị và trật tự xã hội trên địa bàn; quản lý đăng ký nghĩa vụ quân sự đạt 100% thanh niên trong độ tuổi; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, kiện toàn lực lượng dự bị động viên; đảm bảo đủ quân số, thời gian huấn luyện cho lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên.

- Khối lượng thực hiện:

+ Thực hiện tốt công tác tuyển chọn và gọi công nhân nhập ngũ năm 2021, kết quả giao quân về trên được 15 thanh niên, đạt 100% chỉ tiêu trên giao.

+ Hằng năm, Đảng ủy có ra Nghị quyết, Ủy ban nhân dân xã xây dựng kế hoạch về công tác bảo đảm an ninh, trật tự; tổ chức xây dựng có hiệu quả các mô hình bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; không có khiếu kiện đông người kéo dài, khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội; trên địa bàn không xảy ra trọng án, các vụ án hình sự về tội phạm, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng; các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và các vi phạm pháp luật



khác được kiểm chế, giảm so với năm trước; xã được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự; lực lượng Công an xã được xây dựng, củng cố trong sạch, vững mạnh.

*c. Tự đánh giá*

So với yêu cầu của tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh: Đạt.

## **II. KẾT LUẬN:**

**1. Về hồ sơ:** xã Lạc Hòa đã gửi đầy đủ hồ sơ, thủ tục cần thiết trình về cấp thẩm quyền công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, nội dung đảm bảo yêu cầu theo quy định.

**2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới:** Tổng số tiêu chí nông thôn mới của xã Lạc Hòa đã được Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm thẩm tra là: 19/19 tiêu chí, đạt 100%.

**3. Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới**

Từ năm 2011 đến nay trong quá trình xây dựng nông thôn của xã Lạc Hòa không có nợ đọng.

## **III. KIẾN NGHỊ**

Đề nghị Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh thẩm định, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xét công nhận xã Lạc Hòa, thị xã Vĩnh Châu đạt chuẩn xã nông thôn mới năm 2021./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- Thành viên BCD thị xã;
- Lưu: VT, NC. *nc*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trần Hoàng Thắng**



**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI  
XÃ LẠC HÒA, THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

*(Đính kèm Báo cáo số 167/BC-UBND ngày 18/6/2021 của UBND thị xã Vĩnh Châu)*

| TT                           | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí                                                                                                               | ĐVT | Tiêu chuẩn đạt chuẩn             | Kết quả tự đánh giá của xã | Kết quả thẩm tra của huyện |
|------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------------------------------|----------------------------|----------------------------|
| I. QUY HOẠCH                 |              |                                                                                                                                 |     |                                  |                            |                            |
| 1                            | Quy hoạch    | 1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn                                      |     | Đạt                              | Đạt                        | Đạt                        |
|                              |              | 1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch                                  |     | Đạt                              | Đạt                        | Đạt                        |
| II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI |              |                                                                                                                                 |     |                                  |                            |                            |
| 2                            | Giao thông   | 2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm | %   | 100%                             | Đạt                        | Đạt                        |
|                              |              | 2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm       | %   | ≥50%                             | Đạt                        | Đạt                        |
|                              |              | 2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa                                                                           | %   | 100%<br>(trong đó cứng hóa ≥30%) | Đạt                        | Đạt                        |
|                              |              | 2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm                                                 | %   | Không quy hoạch                  |                            |                            |
| 3                            | Thủy lợi     | 3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên                                | %   | 80%                              | Đạt                        | Đạt                        |



|   |                                           |                                                                                                                                 |   |       |     |     |
|---|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|-----|-----|
|   |                                           | 3.2. Đảm bảo đủ Điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ                            |   | Đạt   | Đạt | Đạt |
| 4 | <b>Điện</b>                               | 4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn                                                                                                    |   | Đạt   | Đạt | Đạt |
|   |                                           | 4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn                                                                   | % | ≥98%  | Đạt | Đạt |
| 5 | <b>Trường học</b>                         | Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia | % | ≥70%  | Đạt | Đạt |
| 6 | <b>Cơ sở vật chất văn hóa</b>             | 6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã                  |   | Đạt   | Đạt | Đạt |
|   |                                           | 6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định                                       |   | Đạt   | Đạt | Đạt |
|   |                                           | 6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng                                  | % | 100%  | Đạt | Đạt |
| 7 | <b>Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn</b> | Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa                                                                         |   | Đạt   | Đạt | Đạt |
| 8 | <b>Thông tin và Truyền thông</b>          | 8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính                                                                                               |   | Đạt   | Đạt | Đạt |
|   |                                           | 8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet                                                                                         |   | Đạt   | Đạt | Đạt |
|   |                                           | 8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn                                                                        |   | Đạt   | Đạt | Đạt |
|   |                                           | 8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, Điều hành                                                       |   | Đạt   | Đạt | Đạt |
| 9 | <b>Nhà ở dân cư</b>                       | 9.1. Nhà tạm, dột nát                                                                                                           |   | Không | Đạt | Đạt |
|   |                                           | 9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định                                                                             | % | ≥70%  | Đạt | Đạt |



| III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT  |                      |                                                                                                                                     |            |        |     |     |
|-----------------------------------|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--------|-----|-----|
| 10                                | Thu nhập             | Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2019 (triệu đồng/người)                                                      | Triệu đồng | ≥45,5  | Đạt | Đạt |
| 11                                | Hộ nghèo             | Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020                                                                                         | %          | ≤4%    | Đạt | Đạt |
| 12                                | Lao động có việc làm | Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động                                            | %          | ≥90%   | Đạt | Đạt |
| 13                                | Tổ chức sản xuất     | 13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012                                                    |            | Đạt    | Đạt | Đạt |
|                                   |                      | 13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững                                            |            | Đạt    | Đạt | Đạt |
| IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG |                      |                                                                                                                                     |            |        |     |     |
| 14                                | Giáo dục             | 14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở |            | Đạt    | Đạt | Đạt |
|                                   |                      | 14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)                          | %          | ≥80%   | Đạt | Đạt |
|                                   |                      | 14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo                                                                                        | %          | ≥25%   | Đạt | Đạt |
| 15                                | Y tế                 | 15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế                                                                                        | %          | ≥85%   | Đạt | Đạt |
|                                   |                      | 15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế                                                                                              |            | Đạt    | Đạt | Đạt |
|                                   |                      | 15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)                                                 | %          | ≤20,5% | Đạt | Đạt |
| 16                                | Văn hóa              | 16.1. Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định                                                                      | %          | ≥70%   | Đạt | Đạt |
|                                   |                      | 16.2. Tỷ lệ ấp đạt chuẩn ấp văn hóa nông thôn mới theo quy định                                                                     | %          | ≥30%   | Đạt | Đạt |



|                       |                                          |                                                                                                                                   |   |                       |     |     |
|-----------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-----------------------|-----|-----|
| 17                    | Môi trường và an toàn thực phẩm          | 17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định                                                           | % | ≥95% (≥65% nước sạch) | Đạt | Đạt |
|                       |                                          | 17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường                     | % | 100%                  | Đạt | Đạt |
|                       |                                          | 17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn                                                                   |   | Đạt                   | Đạt | Đạt |
|                       |                                          | 17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch                                                                             |   | Đạt                   | Đạt | Đạt |
|                       |                                          | 17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định |   | Đạt                   | Đạt | Đạt |
|                       |                                          | 17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch                                         | % | ≥70%                  | Đạt | Đạt |
|                       |                                          | 17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường                                                      | % | ≥70%                  | Đạt | Đạt |
|                       |                                          | 17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm                | % | 100%                  | Đạt | Đạt |
| V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ |                                          |                                                                                                                                   |   |                       |     |     |
| 18                    | Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp Luật | 18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn                                                                                              | % | ≥80%                  | Đạt | Đạt |
|                       |                                          | 18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định                                                              |   | Đạt                   | Đạt | Đạt |
|                       |                                          | 18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"                                                              |   | Đạt                   | Đạt | Đạt |
|                       |                                          | 18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên                                                                      | % | 100%                  | Đạt | Đạt |



|    |                              |                                                                                                                                                                                                                                                                 |  |     |     |     |
|----|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-----|-----|-----|
|    |                              | 18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp Luật theo quy định                                                                                                                                                                                                             |  | Đạt | Đạt | Đạt |
|    |                              | 18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội                                                                                                  |  | Đạt | Đạt | Đạt |
| 19 | <b>Quốc phòng và An ninh</b> | 19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng                                                                                                                                                                  |  | Đạt | Đạt | Đạt |
|    |                              | 19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước |  | Đạt | Đạt | Đạt |